

HOẠT ĐỘNG CHỨNG MINH CỦA CƠ QUAN ĐIỀU TRA TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

*Lý Bích Hương**
Email: lbhuong@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 08/01/2024

Ngày phản biện đánh giá: 18/07/2024

Ngày bài báo được duyệt đăng: 30/07/2024

DOI: 10.59266/houjs.2024.431

Tóm tắt: Dù áp dụng mô hình nào, chứng minh vẫn luôn là bản chất của quá trình tố tụng hình sự. Đối với mô hình tố tụng thẩm vấn, điều tra vụ án hình sự là giai đoạn rất quan trọng. Ở đó, Cơ quan điều tra có trách nhiệm làm sáng tỏ tất cả các đối tượng chứng minh của vụ án. Các hoạt động chứng minh do chủ thể này tiến hành có đóng góp quan trọng vào kết quả giải quyết vụ án. Bài viết tập trung làm sáng tỏ các đặc điểm của hoạt động chứng minh của cơ quan điều tra, so sánh với hoạt động chứng minh trong giai đoạn xét xử, chỉ ra một số hạn chế và đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động này.

Từ khóa: chứng minh, hoạt động chứng minh, giai đoạn điều tra.

I. Đặt vấn đề

Trong thời gian vừa qua, nhiều trường hợp thu thập chứng cứ của cơ quan điều tra chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ hạn chế, không làm rõ mâu thuẫn trong lời khai của những người liên quan, dẫn đến sai sót trong việc định tội danh, giải quyết vụ án kéo dài. Việc tiến hành một số hoạt động chứng minh với các đối tượng vẫn còn một số hạn chế, cá biệt trong một số vụ án đã không phát hiện, thu giữ được tài liệu, vật chứng gì, dẫn đến đánh giá chứng cứ không thuyết phục, không xử lý được tội phạm. Với diễn biến ngày càng phức tạp của tình hình tội phạm hiện nay đã tạo nên sức ép rất lớn đối với hoạt động chứng minh của cơ quan điều tra. Bên cạnh đó, quy định pháp luật về

vấn đề này vẫn còn một số bất cập. Do vậy, cần thiết phải nghiên cứu các đặc điểm hoạt động chứng minh của cơ quan điều tra để có cơ sở đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động này.

II. Cơ sở lý thuyết

Bài viết dựa trên các lý thuyết về tội phạm, lý thuyết về cấu thành tội phạm, lý thuyết về định tội danh, quyết định hình phạt nói riêng và lý thuyết về áp dụng pháp luật hình sự nói chung.

2.1. Lý thuyết về tội phạm

Lý thuyết về tội phạm là nền tảng lý luận cơ bản trong Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự Việt Nam. Lý thuyết về tội phạm làm rõ khái niệm tội phạm, đặc điểm

* Trường Đại học Mở Hà Nội.

của tội phạm, phân loại tội phạm, phân biệt tội phạm với các vi phạm pháp luật khác và các yếu tố cấu thành tội phạm.[†] Bài viết dựa trên lý thuyết về tội phạm để xác định trách nhiệm của cơ quan điều tra trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

2.2. Lý thuyết về cấu thành tội phạm

Lý thuyết về cấu thành tội phạm là lý thuyết cơ bản cho phép nhận thức những dấu hiệu cơ bản (dấu hiệu đặc trưng, điển hình) của một tội danh cụ thể và cho phép phân biệt giữa tội phạm này với tội phạm khác. Cấu thành tội phạm chính là một trong những cơ sở để xác định đối tượng chứng minh.

2.3. Lý thuyết về nhận thức trong triết học Mác Lênin

Chủ nghĩa duy vật biện chứng với các nguyên lý, quy luật và các phạm trù của nó là cơ sở phương pháp luận cho việc làm rõ khái niệm sự thật của vụ án. Quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự nhằm xác định sự thật vụ án là quá trình rất phức tạp và phép biện chứng duy vật là công cụ hữu hiệu để nhận thức khoa học nói chung và nhận thức sự thật của vụ án nói riêng. Quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự tuân thủ quy luật của nhận thức đó là trực quan sinh động bao gồm tri giác, biểu tượng đến tư duy trừu tượng – hình thành nên các khái niệm, phán đoán và suy luận. Quá trình nhận thức phải dựa trên hệ thống các phương pháp như trừu tượng hóa, giả định- suy luận, tiên đề- kết luận, mô hình hóa, thực nghiệm... Như vậy, nếu không dựa vào lý luận nhận thức thì không thể giải thích các quy luật hình

thành sự kiện phạm tội và không xây dựng được phương pháp nhận thức sự kiện phạm tội với tư cách là sự thật của vụ án.

III. Phương pháp, vật liệu nghiên cứu

Bài viết sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu luật học, như phương pháp phân tích, bình luận, quy nạp, diễn dịch, suy luận logic, phân tích quy phạm pháp luật,... để làm rõ khái niệm, các đặc điểm hoạt động chứng minh của cơ quan điều tra và một số bất cập, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật. Từ đó bài viết kiến nghị một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động chứng minh của cơ quan điều tra.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Khái quát về giai đoạn điều tra và chứng minh trong tố tụng hình sự.

Điều tra là một giai đoạn của tố tụng hình sự có thời điểm bắt đầu và kết thúc. Giai đoạn này bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố vụ án và kết thúc khi Cơ quan có thẩm quyền điều tra ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc ra bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra. Ở giai đoạn này, cơ quan và người có thẩm quyền có nhiệm vụ áp dụng các biện pháp điều tra do pháp luật tố tụng hình sự qui định nhằm xác định tội phạm và người phạm tội, cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn, chính xác vụ án.[‡]

Chứng minh trong tố tụng hình sự được nghiên cứu dưới góc độ một hoạt động nhằm tìm kiếm chứng cứ để xác định sự thật của vụ án. Xét về bản chất, chứng minh là cách dựng lại bức tranh thực tế của một hiện

[†] Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần chung. Nxb. Công an nhân dân, tr.49-158.

[‡] Trường Đại học Luật Hà Nội, giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, năm 2018, tr.307.

tượng đã xảy ra trong quá khứ, giải thích bản chất và soạn thảo những quyết định cần thiết với hiện tượng đó. Với ý nghĩa như vậy, hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự Việt Nam xuất hiện ở tất cả các giai đoạn tố tụng như: khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự. Tuy nhiên ở mỗi giai đoạn tố tụng, chứng minh do các chủ thể khác nhau tiến hành với các biện pháp khác nhau và trình tự thủ tục khác nhau nhằm thực hiện nhiệm vụ của từng giai đoạn đó. Chứng minh của cơ quan điều tra là các hoạt động tư duy logic và thực tiễn của cơ quan này theo trình tự thủ tục luật định bằng phương pháp chiến thuật và kỹ thuật nhằm tìm kiếm chứng cứ xác định sự thật của vụ án và thực hiện nhiệm vụ khác của giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Từ những nhận định trên, có thể thấy hoạt động chứng minh của cơ quan điều tra có đầy đủ các đặc điểm chung của chứng minh trong tố tụng hình sự, đó là:

- Chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là hoạt động tư duy logic.

- Nội dung của quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự bao gồm: thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ

- Trách nhiệm chứng minh trong giai đoạn điều tra thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

- Chứng cứ là phương tiện để chứng minh.[§]

4.2. Đặc điểm hoạt động chứng minh của cơ quan điều tra.

Ngoài những đặc điểm chung của chứng minh trong tố tụng hình sự, hoạt động chứng minh của cơ quan điều tra có các đặc trưng sau đây:

Một là, chứng minh là trách nhiệm của cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra có chức năng điều tra tất cả các tội phạm quy định tại Bộ luật hình sự để xác định tội phạm và xác định người đã thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố, tìm ra nguyên nhân và điều kiện tội phạm. yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục và ngăn ngừa tội phạm.

Trong giai đoạn điều tra, cơ quan điều tra có trách nhiệm xác định một cách đầy đủ, khách quan, toàn diện, chính xác tất cả những sự kiện, tính tiết phải chứng minh trong vụ án bằng chứng cứ được thu thập, kiểm tra, đánh giá theo đúng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Các hoạt động này chủ yếu do Điều tra viên tiến hành dưới sự chỉ đạo của Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra. Quan hệ giữa Điều tra viên và Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra trong hoạt động chứng minh vụ án vừa mang tính hành chính vừa mang tính tố tụng hình sự. Do vậy, hoạt động chứng minh của Điều tra viên không chỉ tuân theo qui định của BLTTHS mà còn chịu sự chỉ đạo của cấp trên.

Trong khi đó, ở giai đoạn xét xử hoạt động chứng minh là do Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành “độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” mà không chịu sự chỉ đạo của bất cứ cá nhân hay tổ chức nào. Mặt khác, trong giai đoạn điều tra, Điều tra viên có thể trực tiếp hoặc ủy thác điều tra. Điều đó có nghĩa là Điều tra viên có thể trực tiếp hoặc gián tiếp tiến hành hoạt động chứng minh. Nhưng trong giai đoạn xét xử, Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố phải trực tiếp tiến hành hoạt động chứng minh công khai tại phiên tòa để làm sáng tỏ những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình

[§] Nguyễn Trúc Thiện (2021), Chứng minh trong tố tụng hình sự Việt Nam lý luận và thực tiễn, Nxb. Thông tin và truyền thông, tr.25-31.

sự bằng chứng cứ được xác định, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa.

Hai là, Hoạt động chứng minh của cơ quan điều tra được tiến hành bằng các phương pháp mang tính chất kỹ thuật và chiến thuật. Hoạt động này đặc trưng với các hoạt động: thu tập tài liệu dùng làm chứng cứ pháp lý để xác định người thực hiện hành vi phạm tội cũng như các tình tiết khác về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội, lấy lời khai người tố giác tội phạm, những người có liên quan, khám nghiệm hiện trường, trung cầu giám định, nhận dạng, đối chất,..v.v... Các phương tiện mà Cơ quan có thẩm quyền điều tra có thể áp dụng trong quá trình chứng minh ở giai đoạn điều tra là các phương tiện kỹ thuật hình sự và các biện pháp chiến thuật hình sự.¹ Các phương tiện, biện pháp này thường không được quy định cụ thể trong Bộ luật Tố tụng hình sự mà được làm sáng tỏ bởi khoa học điều tra hình sự. Tuy nhiên, việc sử dụng các phương tiện, các thủ thuật, chiến thuật hình sự trong quá trình chứng minh vẫn phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, đặc biệt là pháp luật tố tụng hình sự, bảo đảm quyền con người và đáp ứng các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp của Điều tra viên và các cán bộ được phân công công tác điều tra. Trong khi đó, hoạt động chứng minh của Viện kiểm sát, Tòa án chỉ được thực hiện bằng các biện pháp do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định.

Ba là, hoạt động chứng minh của cơ quan điều tra phải tuân thủ các trình tự, thủ tục luật định của giai đoạn điều tra. Trình tự thủ tục chứng minh bao gồm thẩm quyền chứng minh, các bước thực hiện hoạt động chứng minh, các phương pháp, cách thức thực hiện chứng minh, kết quả chứng minh phải thể hiện trong hồ sơ vụ

án. Đối với mỗi chứng cứ, đều phải trải qua quá trình chứng minh bao gồm thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ.

Thứ nhất, Thu thập chứng cứ.

Thu thập chứng cứ là hoạt động đầu tiên mà các cơ quan điều tra phải tiến hành trong quá trình chứng minh tội phạm. Để thu thập chứng cứ, cơ quan có thẩm quyền điều tra được phép áp dụng mọi biện pháp theo quy định pháp luật, bao gồm:

- Tiến hành các hoạt động điều tra: hỏi cung, lấy lời khai, khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra, giám định, định giá; các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

- Yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án.

- Tiếp nhận những chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến vụ án do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp.

Như vậy, ở giai đoạn điều tra, cơ quan có thẩm quyền điều tra có thể sử dụng tất cả các phương pháp thu thập chứng cứ, cá biệt có một số phương pháp được xem như đặc quyền của cơ quan điều tra mà những cơ quan tiến hành tố tụng khác, người bào chữa không có được. Đây là một nét độc đáo trong chứng minh của giai đoạn này. Bởi lẽ, các cơ quan tiến hành tố tụng ở các giai đoạn sau sẽ không có thẩm quyền thực hiện một số phương pháp nhất định, chẳng hạn, các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Số lượng các chứng cứ được thu thập trong giai đoạn điều tra là nhiều nhất so với các giai đoạn

¹ Nguyễn Huy Thuật (2003), *Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*, đề tài NCKH “Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự, một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, tr.190.

tổ tụng khác, chiếm phần đa trong tổng số lượng chứng cứ của vụ án hình sự.

Bên cạnh những gì thu thập được bằng các biện pháp kể trên, giai đoạn điều tra còn thu thập được nhiều thông tin thông qua hoạt động trinh sát. Tài liệu trinh sát không phải là chứng cứ, muốn được sử dụng làm chứng cứ thì phải được chuyển hóa bằng các biện pháp điều tra phù hợp. Ví dụ, qua trinh sát ngoại tuyến phát hiện đối tượng cất giấu ma túy trong lớp xe tải, cơ quan điều tra tiến hành khám xét phương tiện theo thủ tục tố tụng để thu thập chứng cứ này.

Thứ hai, Kiểm tra chứng cứ

Sau khi thu thập chứng cứ, bằng các phương pháp khác nhau Điều tra viên phải tiến hành kiểm tra chứng cứ. Bản chất của kiểm tra chứng cứ chính là kiểm tra sự tồn tại các thuộc tính trong những gì đã thu thập được: tính khách quan; tính liên quan; tính hợp pháp.

Thứ ba, Đánh giá chứng cứ

Đánh giá chứng cứ là công đoạn cuối cùng của quá trình chứng minh. Đây là việc cơ quan điều tra xác định giá trị chứng minh của từng chứng cứ và tổng hợp các chứng cứ đã được thu thập và kiểm tra trước đó. Giá trị chứng minh của chứng cứ là khả năng chứng cứ có thể xác lập hoặc phủ định một tình tiết nào đó. Việc đánh giá giá trị chứng minh của chứng cứ được Điều tra viên thực hiện dựa trên cơ sở quy định pháp luật và niềm tin nội tâm. Niềm tin nội tâm hình thành trên cơ sở quan sát, trải nghiệm, nhận thức, đánh giá mọi phương diện, tình tiết của sự việc, vụ án để đưa đến một sự tin tưởng vững chắc vào kết luận về các tình tiết của vụ án là phù hợp với logic và không thể khác được. Việc đánh giá chứng cứ trên cơ sở niềm tin nội tâm phải bảo đảm nguyên tắc khách quan, tinh thần “thiết diện vô tư” và thượng tôn pháp luật của chủ thể đánh giá, phải bảo đảm về trình độ, kinh nghiệm, trí

tuệ của người đánh giá khi xem xét chứng cứ trong một tổng thể và mối quan hệ biện chứng giữa chúng với nhau. Như vậy, có thể hiểu đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra là hoạt động tư duy độc lập của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở giai đoạn này trong việc nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ, vật chứng có trong hồ sơ vụ án hình sự để đưa ra quan điểm, đường lối và quyết định các hành vi tố tụng khác của các cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Như đã phân tích ở trên, quan hệ giữa Điều tra viên và Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra trong hoạt động chứng minh vụ án vừa mang tính hành chính vừa mang tính tố tụng hình sự khác với tính độc lập và chỉ tuân theo pháp luật của Thẩm phán. Do vậy, ở một chừng mực nào đó, sự tự do đánh giá chứng cứ của người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra hạn chế hơn so với giai đoạn xét xử. Việc đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra bên cạnh chính kiến và tư duy độc lập tuân theo các quy định pháp luật thì điều tra viên, cán bộ điều tra cũng cần thực hiện nghiêm túc các ý kiến chỉ đạo của cấp trên trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

4.3. Một số vấn đề đặt ra và kiến nghị khắc phục.

Qua thực tiễn tố tụng, chúng tôi nhận thấy rằng hoạt động chứng minh của cơ quan điều tra đã đạt được những kết quả nhất định. Bằng chứng là nhiều tội phạm, nhiều vụ án lớn đã được phát hiện và xử lý. Tỷ lệ xét xử đạt mức cao, tỷ lệ án hủy sửa, án oan sai thấp. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số vấn đề cần được đặt ra để giải quyết.

Thứ nhất, quy định của pháp luật phục vụ cho công tác điều tra vụ án hình sự chưa thực sự đáp ứng được công việc hiện tại. Cụ thể, quy định về những vấn đề cần phải chứng minh trong quá trình điều

tra tại Điều 85 BLTTHS chưa đầy đủ, còn chung chung. Mặt khác, để điều tra chính xác thì trong nhiều trường hợp ngoài việc chứng minh các tình tiết được quy định trong Điều 85 BLTTHS cần phải chứng minh nhiều tình tiết khác có liên quan đến vụ án mà những tình tiết này được quy định rải rác trong các điều luật khác của BLTTHS (Điều 416) và được quy định cả trong BLHS (trường hợp đồng phạm, phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, miễn truy cứu TNHS, miễn hình phạt...). Điều 85 BLTTHS còn thiếu nội dung thể hiện tính tổng thể của tất cả các vấn đề cần phải chứng minh nên chưa tạo cơ sở pháp lý tốt để các cơ quan tiến hành tố tụng, tiến hành tố tụng nhận thức được thống nhất, đầy đủ về đối tượng chứng minh trong TTHS như trường hợp có đồng phạm khác, tài sản liên quan đến tội phạm... Từ sự phân tích trên, theo chúng tôi nội dung của Điều 85 (mới) cần sửa lại như sau:

“Điều 85. Những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự.

1. Khi điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chứng minh:

1- (Giữ nguyên).

2- Tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

3- (Giữ nguyên nội dung của khoản 2).

4- (Giữ nguyên nội dung của khoản 3).

5- (Giữ nguyên).

6- Những tình tiết liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

7- Những tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án.

2. Trường hợp người bị buộc tội là

người dưới 18 tuổi thì phải chứng minh những vấn đề được quy định tại Điều 416 Bộ luật này.

Thứ hai, vẫn còn những trường hợp bị cáo tại phiên tòa khai nhận bị bức cung, nhục hình trong giai đoạn điều tra. Đặc trưng của quá trình điều tra vụ án hình sự là các hoạt động được tiến hành tương đối khép kín. Mặc dù pháp luật đã quy định một số biện pháp để hạn chế thu thập chứng cứ bất hợp pháp trong giai đoạn điều tra nhưng chưa thực sự đảm bảo tính minh bạch. Cơ quan điều tra với nhiều đặc quyền trong việc chứng minh khiến người tham gia tố tụng hoàn toàn yếu thế so với họ. Để đảm bảo công bằng trong tố tụng hình sự thì giữa các bên buộc tội và bên bị buộc tội phải có địa vị bình đẳng khi tham gia tố tụng và có cơ hội ngang nhau để phản bác các ý kiến của bên đối tụng.** Hầu hết các trường hợp bị bức cung, dụ cung, dùng nhục hình, tra tấn trong giai đoạn điều tra đều mong mỏi vào một phiên tòa công khai để lấy lại công bằng nhưng họ sẽ đều được Tòa án đặt câu hỏi “Bị cáo có chứng cứ gì chứng minh việc đó không?”. Chúng tôi cho rằng Tòa án đã không sai khi yêu cầu bị cáo đưa ra chứng cứ chứng minh việc bị bức cung, mớm cung, dùng nhục hình vì đây cũng được xem như một dạng cáo buộc của bị cáo đối với vi phạm pháp luật của cơ quan điều tra. Nhưng rõ ràng, bị cáo hầu như không có khả năng chứng minh trong trường hợp này. Do đó, Tòa án cần coi đây là điểm còn nghi ngờ trong vụ án phải được suy đoán theo hướng có lợi cho bị cáo và có trách nhiệm chứng minh bị cáo trong giai đoạn điều tra có bị bức cung, mớm cung, dùng nhục hình hay không để loại trừ nghi vấn này thay vì đẩy trách nhiệm chứng minh cho bị cáo.

Thứ ba, việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ của cơ quan điều tra còn chưa toàn diện, khách quan, thường là theo

** J. P.W Temminck Tuinstra (2009), “The principle of equality of arms”, Amsterdam.

hướng buộc tội. Việc quá coi trọng thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ, khi không khai báo hoặc không nhận tội sẽ được đánh giá là ngoan cố, thiếu thành khẩn để áp dụng các biện pháp trách nhiệm hình sự nghiêm khắc thái quá, làm cho không ít bị can, bị cáo nhận tội để được xử lý khoan hồng; pháp luật tố tụng quy định quyền im lặng, nhưng bị đánh giá là ngoan cố chống đối, thiếu nhận thức được lỗi lầm của mình nên không được áp dụng các biện pháp trách nhiệm hình sự nhân đạo. Do đó, cần phải thay đổi nhận thức của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cũng như nâng cao hiểu biết của người tham gia tố tụng đặc biệt là người bị buộc tội về quyền không buộc phải đưa ra những chứng cứ bất lợi cho bản thân họ.

Thứ tư, trước những diễn biến rất phức tạp của tình hình tội phạm, nhất là tội phạm công nghệ cao, tội phạm về ma túy, kinh tế, tham nhũng và vai trò của chứng cứ điện tử trong những vụ án này vô cùng quan trọng. Pháp luật hiện hành chưa có quy định rõ ràng về thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ điện tử. Theo kịp sự phát triển của thời đại, chứng cứ điện tử chính thức trở thành một loại chứng cứ và nguồn chứng cứ trong BLTTHS hiện hành, tuy nhiên, quy định hiện nay mới chỉ dừng lại ở mức quy định chung. Do vậy, để đảm bảo tính chặt chẽ, rõ ràng, thống nhất trong các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, cần sửa đổi, bổ sung quy định về biện pháp thu thập phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử theo hướng: ghép Điều 196 vào Điều 107, đồng thời bổ sung từ “*tạm giữ*” đối với phương tiện điện tử vào khoản 1 Điều 107 BLTTHS năm 2015; bỏ Điều 196. Với việc sửa đổi này, nội dung của Điều 107 (mới) như sau:

“Điều 107. Thu thập phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử:

1. Phương tiện điện tử, dữ liệu điện

tử phải được thu giữ, tạm giữ kịp thời, đầy đủ, mô tả đúng thực trạng và niêm phong ngay sau khi thu giữ, tạm giữ. Việc niêm phong, mở niêm phong được tiến hành theo quy định của pháp luật trong trường hợp không thể thu giữ, tạm giữ... pháp luật.

Việc thu giữ, tạm giữ phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử do người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện và có thể mời người có chuyên môn liên quan tham gia. Trường hợp không thể thu giữ, tạm giữ được thì phải sao lưu vào phương tiện lưu trữ và thu giữ như đối với vật chứng.

Khi thu giữ, tạm giữ các phương tiện điện tử có thể thu thiết bị ngoại vi kèm theo các tài liệu có liên quan”.

Trong khi đó lực lượng Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán có trình độ công nghệ thông tin còn hạn chế, nên gặp nhiều khó khăn trong việc phát hiện, xử lý các loại tội phạm này; còn lúng túng trong việc sử dụng chứng cứ điện tử. Do đó bên cạnh việc sửa đổi các quy định pháp luật cũng cần phải chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ của các điều tra viên trong việc thu thập, bảo quản dữ liệu điện tử.

Tóm lại, tuy có những đặc điểm riêng nhưng hoạt động chứng minh của cơ quan điều tra trong giai đoạn điều tra cũng giống như các hoạt động chứng minh khác, đều có mục đích chung để bảo đảm giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, đấu tranh phòng chống tội phạm và bảo đảm các quyền con người, quyền của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra đóng góp vai trò không nhỏ vào việc xác định sự thật của vụ án và là căn cứ quan trọng để Tòa án và Viện kiểm sát ra những quyết định tố tụng bảo đảm đúng người, đúng hành vi, đúng pháp luật.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đinh Thế Hưng, *Sự thể hiện của nguyên tắc suy đoán vô tội trong chế định chứng minh và chứng cứ của Luật*

- Tổ tụng hình sự Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, năm 2009, số 11, tr.53-60,65
- [2]. Nguyễn Huy Thuật (2003), *Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*, đề tài NCKH “Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự, một số vấn đề lý luận và thực tiễn”
- [3]. Nguyễn Trúc Thiện, Chứng minh trong tố tụng hình sự Việt Nam lý luận và thực tiễn, Lần xuất bản thứ nhất, Nxb. Thông tin và truyền thông, Hà Nội, năm 2021, tr. 25-31
- [4]. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, Lần xuất bản thứ 14, nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, năm 2018, tr.307.
- [5]. Quốc Hội, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015
- [6]. Mosteller, Robert P. “Evidence History, the New Trace Evidence, and Rumbblings in the Future of Proof” *Ohio State Journal of Criminal Law*, vol. 3, no. 2, Spring 2006, pp. 523-542.
- HeinOnline, <https://heinonline.org/HOL/P?h=hein.journals/osjc13&i=529>.
- [7]. Loevinger, Lee. “Standards of Proof in Science and Law.” *Jurimetrics Journal*, vol. 32, no. 3, Spring 1992, pp. 323-344. HeinOnline, <https://heinonline.org/HOL/P?h=hein.journals/juraba32&i=335>.
- [8]. J. P.W Temminck Tuinstra (2009), “The principle of equality of arms”, Amsterdam.
- [9]. <https://kiemtat.vn/bien-phap-thu-thap-chuyen-hoa-su-dung-chung-cu-dien-tu-trong-vu-an-su-dung-cong-nghe-cao-62958.html> truy cập lần cuối 05/9/2023.
- [10]. <http://lapphap.vn/Pages/TinTuc/211700/Hoc-thuyet--quatren-cay-doc--trong-tu-phap-hinh-su-Hoa-Ky-va-khuyen-nghi-cho-Viet-Nam.html?fbclid=IwAR0X7VdmvC8j0i8yCu0bNbyWu7oHP-Y0hCp4qMSzI67mWReVQU7wG38ZhVU> truy cập lần cuối 14/7/2023.

THE EVIDENTIARY ACTIVITIES OF THE INVESTIGATIVE AGENCY IN VIETNAMESE CRIMINAL PROCEDURE

Ly Bich Huong^{††}

***Abstract:** Irrespective of the model used, proof is always the essence of criminal proceedings. The Investigation Agency, a critical player in the criminal case investigation, is responsible for elucidating all evidence related to the case. The proof activities they conduct play a crucial role in shaping the case's outcome. This article focuses on clarifying the characteristics of the Investigation Agency's proof activities, comparing them with those during the trial stage, identifying limitations, and suggesting solutions to enhance their efficiency.*

***Keywords:** Proving, proving activities, investigation phase.*

^{††} Hanoi Open University.